TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **96**/2020/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 28 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 115/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Tường D**.

Địa chỉ: Ấp H, xã H1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh T.**

Địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ nơi làm việc: địa chỉ: KCN AN, ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 7 năm 2020 là hoàn T tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tường D và anh Nguyễn Thanh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tường D và anh Nguyễn Thanh T tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tường D và anh Nguyễn Thanh T thống nhất giao con chung tên Nguyễn Cao T1, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2017 cho

chị Nguyễn Thị Tường D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi tròn 18 (mười tám) tuổi.

- Anh Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Nguyễn Thanh T có quyền, nghĩa vụ được thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Tường D và anh Nguyễn Thanh T thống nhất là không có, không yêu cầu giải quyết.

2.4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tường D đồng ý chịu T bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền là 150.000 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0005105 ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Tường D số tiền tạm ứng án phí là 150.000 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Cơ quan ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cao Thành Đạt